

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-7-2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Chiêu
2. Ông Trần Hồng Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 75/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Trần Hồng N**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (*có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*)

2. Bị đơn: **Anh Bùi Tuấn K**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn, chị Trần Hồng N, trình bày: Chị Trần Hồng N và anh Bùi Tuấn K tổ chức lễ cưới vào ngày 26 tháng 8 năm 2016 (âm lịch), có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 112/2016 ngày 09 tháng 11 năm 2016.

Trong thời gian chung sống, chị N và anh K không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Quá trình chung sống, mặc dù không phát sinh mâu thuẫn gì nghiêm trọng nhưng do chị N và anh K kết hôn thông qua mai mối, không có thời gian tìm hiểu nhau trước nên khi về chung sống, chị N và anh K thường xảy ra bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị N bỏ nhà đi và sống ly

thân với anh K từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Khi chị N bỏ đi, gia đình hai bên có gặp nhau để giải quyết vấn đề hôn nhân giữa chị N và anh K nhưng không đạt được kết quả, chị N và anh K không thể hàn gắn được với nhau; từ đó đến nay, chị N và anh K không còn gặp gỡ, liên lạc để hàn gắn quan hệ hôn nhân nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh K. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ý kiến, trình bày của bị đơn, anh Bùi Tuấn K: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh K đến Tòa án nhân dân huyện V để giải quyết việc chị N yêu cầu ly hôn đối với anh K. Tuy nhiên, anh K không thực hiện việc gửi văn bản cũng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của anh K đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị N cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh K. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình không có giá ngạch, chị N phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh K và hiện nay anh K cư trú tại ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án tham gia phiên hòa giải hai lần nhưng cả hai lần anh K đều vắng mặt nên vụ án không

tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Tòa án đã tổng đạt hợp Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho các đương sự, nhưng, tại phiên tòa hôm nay, anh K vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

[2] Về nội dung: Chị N và anh K chung sống có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 112/2016 ngày 09 tháng 11 năm 2016 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị N yêu cầu ly hôn với anh K do trong thời gian chung sống, chị N và anh K thường xảy ra bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; đồng thời, chị N và anh K đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay và trong thời gian sống ly thân thì không có biện pháp gì hàn gắn. Trong khi đó, mặc dù biết rõ Tòa án nhân dân huyện V đang thụ lý, giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh K và đã được Tòa án nhân dân huyện V nhiều lần triệu tập đến Tòa án để hòa giải nhưng anh K có thái độ bỏ mặc, không thể hiện thiện chí và mong muốn được hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa anh K với chị N. Biên bản xác minh tại địa phương ngày 18 tháng 6 năm 2018 cũng thể hiện từ tháng 02 năm 2018 đến nay, anh K về địa phương sinh sống nhưng không thấy chị N về cùng. Điều này cho thấy, thực tế, giữa chị N và anh K đã không còn duy trì cuộc sống chung, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó, có căn cứ khẳng định tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị N và anh K đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung đã không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh K, cho chị N được ly hôn anh K.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định chị N và anh K chung sống không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh K cũng không thể hiện ý kiến có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị N phải nộp 300.000 đồng. Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013097 ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí.

[3] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Hồng N đối với anh Bùi Tuấn K. Cho ly hôn giữa chị Trần Hồng N và anh Bùi Tuấn K.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Án phí sơ thẩm dân sự về hôn nhân và gia đình, chị Trần Hồng N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Chị Trần Hồng N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013097 ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- THADS huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- UBND xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Xuyên